

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Kiên Giang.
- Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang được chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước Kiên Giang theo Quyết định số 1386/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 24/6/2010, với vốn điều lệ đăng ký kinh doanh là 157.575 triệu đồng và Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 phê duyệt tổng vốn điều lệ của Công ty là 246.774 triệu đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700105659 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/6/2010 và thay đổi lần thứ 4 ngày 26/7/2024. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và kinh doanh vật tư ngành nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ công văn số: 327/CV-CTN ngày 28/5/2025 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang về việc Báo cáo tình hình tài chính năm 2024 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, Công ty lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2024 như sau:

a) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Công ty thực hiện theo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/12/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2024 công ty thực hiện mua bảo hiểm rủi ro cho tài sản bao gồm cháy nổ bắt buộc, tài sản được bảo hiểm: nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, tổng số tiền bảo hiểm 176,8 tỷ đồng.

Công ty trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 49/2018/TT-BTC, lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 7.668.899.350 đồng.

Báo cáo tài chính của công ty kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Vốn Chủ sở hữu (410): 339.838.906.438 đồng

Trong đó:	
+ Vốn góp của chủ sở hữu:	246.774.000.000 đồng
+ Quỹ Đầu tư phát triển:	93.064.906.438 đồng
- Tổng tài sản:	603.871.043.221 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	32.446.198.317 đồng
- Hiệu quả sử dụng vốn :	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE):	9,66%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản (ROA):	5,46%

b) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Tình hình đầu tư các dự án: Trong năm 2024 công ty đầu tư hình thành tài sản 64,6 tỷ đồng (*Báo cáo Biểu số 2A kèm theo*):

+ Nhà cửa vật kiến trúc: tăng 18,019 tỷ đồng đầu tư nâng cấp cải tạo các công trình cấp nước.

+ Máy móc thiết bị: tăng 21,292 tỷ đồng Mua sắm thay thế thiết bị, nâng công suất các nhà máy đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn: tăng 23,305 tỷ đồng mở rộng, nâng cấp đường ống cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch.

Các dự án hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản trong năm đáp ứng nhu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và góp phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: (*Biểu số 02.B kèm theo*)

+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Kiên Giang giá gốc đầu tư là 4.728 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Số lượng cổ phiếu nắm giữ là 556.565 cổ phần. Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Kiên Giang chia cổ tức năm 2024 là 10% với số tiền: 445 triệu đồng.

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn Đầu tư và xây dựng Kiên Giang giá gốc đầu tư là 4.065 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2024 Số lượng cổ phiếu nắm giữ là 545.735 cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa Đại hội cổ đông thường niên nên chưa biết được hiệu quả đầu tư trong năm 2024.

+ Đầu tư tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á- Mêkong Rạch Giá vốn góp đến thời điểm 31/12/2024 là 7,25 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2024 số lượng cổ phiếu nắm giữ là 725.000 cổ phiếu. Do kết quả sản xuất kinh doanh còn chưa có lợi nhuận nên trong năm 2024 Công ty đã trích dự phòng với số tiền 2,4 tỷ đồng.

+ Kế hoạch tăng hoặc giảm vốn đầu tư từ công ty liên kết và các khoản đầu tư khác: Do ngành nghề không phù hợp nên Công ty đang làm thủ tục để thoái vốn

tại Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn Đầu tư và xây dựng Kiên Giang và Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Kiên Giang theo quyết định đề án tái cơ cấu của Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Năm 2024 công ty có sử dụng vốn huy động vay Ngân hàng thương mại để đầu tư vào các công trình với số tiền: 16,48 tỷ đồng, đến kỳ báo cáo công ty còn các Khoản vay hỗ trợ ODA để thực hiện đầu tư các Dự án cấp nước, các Dự án cấp nước sử dụng khoản vốn vay đến nay đều khai thác hết công suất thiết kế và phát huy hiệu quả kinh tế của công ty.

Tổng số nợ vay hỗ trợ của Bộ Tài chính đến 31/12/2024 là 162.918 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn từ Ngân hàng phát triển Châu Á: 17.962 triệu đồng.

+ Nguồn vốn từ Hiệp hội Phát triển quốc tế: 144.956 triệu đồng.

- Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Công ty thực hiện khấu hao tài sản theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính. Tổng giá trị hàng hóa, vật tư tồn kho đến ngày 31/12/2024 là 14.398 triệu đồng, trong đó hàng hóa, vật tư tồn kho chậm luân chuyển; không cần dùng; hư hỏng, kém, mất phẩm chất đến ngày 31/12/2024 là 5.545 triệu đồng. Công ty cũng đã ký hợp đồng với đơn vị thẩm định giá để tiến hành kiểm kê, xử lý phân loại các vật tư hàng hóa hư hỏng, kém phẩm chất xử lý theo quy định hiện hành.

+ Công ty đã ban hành Quyết định số 116/QĐ-CTN ngày 10/10/2022 về ban hành Quy chế quản lý nợ của công ty theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: thực hiện quản lý nợ phải thu của công ty theo quy chế trong những năm qua chưa thật sự nghiêm, từ đó phải thu quá hạn thanh toán vẫn còn cao. Trong năm 2024 công ty rà soát tập trung đôn đốc các tập thể, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm thu hồi nợ phải thu của các công trình thi công Hệ thống cấp nước và khắc phục tình trạng nợ quá hạn thanh toán của các công trình thi công. Số liệu tại thời điểm 31/12/2024 về Nợ phải thu như sau

Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 6.709 triệu đồng, trong đó:

+ Phải thu khách hàng về công nợ tiền nước: 1.874 triệu đồng.

+ Phải thu khách hàng về lắp đặt công trình nước: 4.835 triệu đồng.

Phải thu ngắn hạn khác: 7.809 triệu đồng.

Nợ phải thu quá hạn thanh toán : 8.192 triệu đồng, trong đó:

+ Các khoản phải thu về công nợ tiền nước (các hộ dân): 1.874 triệu đồng;

+ Các công ty đơn vị khác: 6.318 triệu đồng.

Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định đến thời điểm 31/12/2024 số tiền 7.668 triệu đồng.

Ngoài ra khoản phải thu của UBND huyện Kiên Lương số tiền 5.556.069.081 đồng liên quan tiền hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước liên xã huyện Kiên Lương hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2018. Tuy nhiên UBND huyện Kiên Lương chưa thanh toán số tiền hỗ trợ đầu tư như cam kết (Khoản phải thu này công ty chưa trích dự phòng) và khoản phải thu của UBND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang số tiền 2.862.354.699 đồng. Theo văn bản thỏa thuận với UBND huyện Hòn Đất cung cấp xây dựng và lắp đặt tuyến ống cấp nước Tỉnh lộ Tri Tôn – Hòn Sóc (Khoản phải thu này công ty chưa trích dự phòng). Công ty đã có văn bản làm việc với 02 đơn vị trên và đang xin ý kiến của UBND tỉnh hướng xử lý: 02 khoản trên do công ty đầu tư 100% từ nguồn vốn của Công ty.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số phải trả đến 31/12/2024 là 162.918 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn từ Ngân hàng phát triển Châu Á: 17.962 triệu đồng.

+ Nguồn vốn từ Hiệp hội Phát triển quốc tế: 144.956 triệu đồng.

- Tổng nợ đến hạn trả khoản vay lại vốn ODA của Chính phủ hỗ trợ trong năm 2024 là nợ gốc là 28.087 triệu đồng và chi phí lãi phát sinh đã trả 12.858 triệu đồng. Công ty đã trả đúng kỳ hạn theo quy định. không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ đến hạn 1,03 Hệ số Nợ phải trả trên vốn Chủ sở hữu 0,78.

c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính: (Báo cáo Biểu số 02C kèm theo).

- Về sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ: sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ nước sạch năm 2024 của Công ty đều vượt kế hoạch Chủ sở hữu giao.

+ Sản lượng sản xuất năm 2024: Trong năm các nhà máy của công ty đã sản xuất 53.440.849 m³ nước sạch, mua sỉ của Công ty CP Tư vấn và cấp nước Đông Nam Á- Mê Kông Rạch Giá là 5.792.340 m³ nước sạch giá bình quân là 6.000 đồng/m³ đạt so với kế hoạch 104% và so với cùng kỳ đạt 103%.

+ Sản lượng tiêu thụ năm 2024 của công ty đạt 39.621.338 m³ so với kế hoạch đạt 104% và so với cùng kỳ đạt 105%.

+ Tỷ lệ thất thoát nước sạch năm 2024 đạt 25,86%.

- Về tiêu chí tài chính:

+ Tổng doanh thu bán hàng năm 2024 đạt 313.462 triệu đồng đạt 106% kế hoạch, so với năm 2023 đạt 106%, so với năm 2022 đạt 108%.

+ Giá vốn hàng bán 237.133 triệu đồng đạt 104% so với kế hoạch, so với năm 2023 đạt 106%, so với năm 2022 đạt 108%;

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 32.446 triệu đồng 114% kế hoạch, so với năm 2023 đạt 115 %, so với năm 2022 đạt 157 %.

- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 9,66 %, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 5,46%.

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo: Trong năm 2024 dòng tiền công ty tạo ra với nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh dương do đó công ty không gặp khó khăn trong thanh toán và trả nợ. Dòng tiền cho hoạt động đầu tư mua sắm tài sản trong năm 2024 nhiều hơn nguồn khấu hao tái đầu tư. Dòng tiền trong hoạt động tài chính công ty thanh toán kịp thời đúng kỳ hạn khoản nợ gốc vay lại Bộ Tài chính. Trong kỳ tiếp theo công ty xây dựng kế hoạch lưu chuyển tiền tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh là xây dựng hệ thống kiểm soát nợ phải thu đảm bảo nguyên tắc thanh khoản kịp thời. Hoạt động đầu tư công ty đảm bảo cân đối nguồn vốn bù đắp cho hoạt động này. Hoạt động tài chính công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với trả nợ là rất thấp vì nợ phải trả tài chính trải dài ở các thời điểm khác nhau.

d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ: (Báo cáo Biểu số 2Đ kèm theo)

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách: Công ty thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế vào Ngân sách Nhà nước đúng thời gian quy định.

Trong năm công ty đã tạm trích các quỹ dựa trên kết quả sản xuất. kinh doanh năm 2024 theo Nghị định số 91/2015NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ để có nguồn chi trả cho người lao động.

+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	9.733.859.495 đồng.
+ Trích Quỹ khen thưởng	10.908.695.465 đồng.
+ Trích Quỹ phúc lợi	4.675.155.199 đồng.
+ Trích Quỹ thưởng Ban Điều hành	361.163.988 đồng.

Công ty được UBND tỉnh giao thu tiền dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2030 thông qua hoá đơn tiền nước; sau khi nộp thuế GTGT 8% theo quy định. Công ty được để lại 5%, số còn lại phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trong năm 2024 Công ty đã kê khai và nộp tiền dịch vụ thoát nước là: 37.732 triệu đồng.

Thực hiện Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và triển khai Đề án thực hiện chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/01/2021. Công ty đã ký Hợp đồng ủy thác với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kiên Giang ngày 09/12/2024 đã kê khai và chi trả trong năm 2024 là 2.060 triệu đồng.

đ) Tình hình chấp hành chế độ chính sách, pháp luật:

Công ty thực hiện chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đúng quy định và thực hiện nghiêm trình tự của Luật Xây dựng và đảm bảo đầy đủ các thủ tục quy định về trình tự XDCB theo các văn bản pháp qui của nhà nước ban hành.

Trong năm 2024 công ty đã ban hành các quy chế như: Quy chế phối hợp thực hiện công việc giữa các phòng, đơn vị trực thuộc trong hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quy chế hoạt động của Mạng lưới An toàn Vệ sinh viên; Quy chế người đại diện vốn của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG tại doanh nghiệp; Quy chế làm việc của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Sửa đổi Điều 5 của Quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-CTN ngày 08/3/2023 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổ bảo vệ thuộc Văn phòng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 57/QĐ-CTN ngày 20/02/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với các phòng, đơn vị trực thuộc và NLD của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quy chế Quản lý sử dụng quỹ khen thưởng NLD của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG; Quy chế hoạt động Hội đồng sáng kiến của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước KG.

Thỏa ước lao động tập thể năm 2024 được thông qua tại Hội nghị người lao động được tổ chức vào tháng 02/2024 và được Đại diện lãnh đạo Công ty ký với đại diện Người lao động.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách các khoản phát sinh nộp ngân sách trong năm 2024 thực hiện nộp kịp thời và đúng quy định.

Báo cáo tài chính năm được kiểm toán và nộp đúng thời gian quy định. Thực hiện chế độ báo cáo theo các nội dung quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP công ty báo cáo đánh giá thực trạng và xếp loại doanh nghiệp đúng quy định.

e) Giải trình của công ty đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp Kiểm toán độc lập:

Khoản công nợ “ Trả trước cho người bán” tồn lâu với số dư tại ngày 31/12/2024 là 4,17 tỷ đồng, đây là khoản tiền Công ty tạm ứng cho Nhà thầu Công ty CP kỹ thuật Á Châu thi công gói thầu Nâng cấp nhà máy nước Phú Quốc, do quá trình thi công kéo dài và hồ sơ thanh quyết toán chậm nên chưa thanh toán. Hai bên đã làm việc thống nhất hồ sơ thanh toán dự kiến trong quý 2/2025 hoàn thành các thủ tục quyết toán.

Khoản nợ tạm ứng tồn lâu “ Phải thu ngắn hạn khác” tại ngày 31/12/2024 là 0,91 tỷ đồng, đây là các khoản tạm ứng tiền và vật tư của Đội thi công của Công ty tham gia thi công các công trình trong tỉnh. Do hồ sơ chưa quyết toán được với chủ

đầu tư nên chưa hoàn ứng lại cho công ty, Công ty đã làm việc với các bên liên quan và Đội thi công tiến hành đối chiếu công nợ và hoàn thiện hồ sơ quyết toán, dự kiến trong năm 2025 sẽ hoàn ứng.

Hàng tồn kho chậm luân chuyển tại thời điểm 31/12/2024 với giá trị là 5,54 tỷ đồng, do công ty có nhiều chủng loại vật tư để dự phòng sửa chữa, thay thế cho các đơn vị trực thuộc nên số lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển vẫn còn cao. Hàng năm công ty cũng tiến hành rà soát các chủng loại vật tư không còn phù hợp, kém phẩm chất để trình hội đồng công ty xem xét xử lý theo đúng quy định.

Về 02 công trình Hệ thống cấp nước xã Hòa Điền – Kiên Lương và Hệ thống cấp nước tỉnh lộ Tri Tôn- Hòn Sóc, Công ty cũng đã có đối chiếu công nợ và có nhiều văn bản đề nghị các ban ngành hỗ trợ để giải quyết theo đúng quy định hiện hành. Sở tài chính tỉnh cũng đã có công văn hướng dẫn xử lý và báo cáo UBND tỉnh, Công ty đã làm việc với UBND huyện Kiên Lương và Hòn Đất để cùng nhau xử lý việc đầu tư 02 công trình trên từ nguồn vốn của công ty, đồng thời công ty nhận tài sản và trích khấu hao tài sản theo quy định. Dự kiến trong năm 2025 sẽ hoàn thành.

g) Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

- Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2021-2025. Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang duy trì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Công ty cũng kiến nghị để thoái vốn tại 02 Công ty:

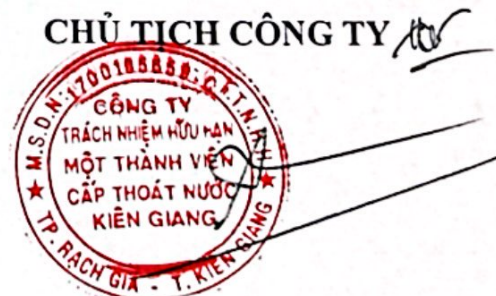
+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Kiên Giang giá gốc đầu tư là 4.728 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Số lượng cổ phiếu nắm giữ là 556.565 cổ phần.

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn tư vấn Đầu tư và xây dựng Kiên Giang giá gốc đầu tư là 4.065 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2024 Số lượng cổ phiếu nắm giữ là 545.735 cổ phiếu.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT. P. Kế toán.



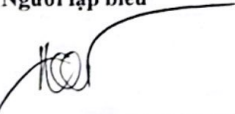
Đoàn Hữu Thắng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2024			Giải ngân đến ngày hoặc 31/12/2024			Giá trị Tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/24	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/24	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
C	Các dự án khác																	
1	2111- Nhà cửa kiến trúc							2024					18.019	18.019		18.019	18.019	
2	2112- Máy móc thiết bị							2024					21.292	21.292		21.292	21.292	
3	2113- Phương tiện truyền dẫn							2024	16.488	1 năm	6,7		25.305	25.305		25.305	25.305	
	CỘNG												64.616	64.616		64.616	64.616	

GHI CHÚ:
Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư.

Người lập biểu

Nguyễn Thái Hoàn

GIÁM ĐỐC


T. Cam Minh Vương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp					Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo				
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2024	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2024										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
II	Công ty Liên kết																
	Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Kiên Giang	4.728	4.728	4.728	31,75%	31,75%	31,75%	17.531	17.531	124.902	126.337	3.904	4.368	445	9,41		
III	Đầu tư tài chính																
1	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Kiên Giang	4.065	4.065	4.065	0,81%	0,81%	0,57%	x	x	1.300.756	1.294.491	147.830	129.915			x	x
2	Công ty CP Tư vấn và cấp nước Đông Nam Á – Mê kong Rạch Giá	7.250	7.250	7.250	10%	10%	10%	72.500	72.500	29.325	35.873	(5.946)	4.226			x	x

Đánh giá của doanh nghiệp:

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty liên kết: Có lợi nhuận tương đối cao.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Có lợi nhuận.

Giải pháp của Doanh nghiệp: Công ty kiến nghị để thoái vốn tại 02 công ty: Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Kiên Giang và Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Kiên Giang.

Người lập bảng



Nguyễn Thái Hoàn

GIÁM ĐỐC



Lâm Minh Vương

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

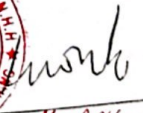
Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (m ³)	50.977.328	52.049.639	51.422.302	53.440.849	105	103	104
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (m ³)	36.511.204	37.675.746	38.052.503	39.621.338	109	105	104
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính (triệu đồng)							
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	288.960	295.339	296.432	313.462	108	106	106
2. Giá vốn hàng bán	229.314	230.986	228.943	237.133	103	103	104
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.646	64.353	67.489	72.183	121	112	107
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.375	2.302	2.310	1.936	141	84	
5. Chi phí tài chính	16.959	16.824	12.424	12.435	73	74	100
6. Chi phí bán hàng	5.730	5.167	9.087	5.036	88	97	55
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.666	12.923	14.400	18.085	123	140	126
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.666	31.741	33.888	38.563	163	121	114
9. Thu nhập khác	2.526	3.700	3.110	2.208	87	60	71
10. Chi phí khác	522	258	1.444	325	62	126	23
11. Lợi nhuận khác	2.004	3.442	1.666	1.883	94	55	113
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.670	35.182	35.554	40.446	158	115	114
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.053	7.019	7.111	8.000	158	114	113
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.617	28.163	28.443	32.446	157	115	114

GHI CHÚ: Cột (1),(2) theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ Báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Người lập biểu


Nguyễn Thái Hoàn

Giám đốc



Lâm Minh Vương

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

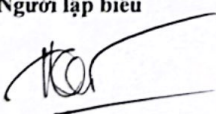
Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp sang năm sau
1. Thuế	1.502.596.067	20.064.408.060	20.125.368.850	1.441.635.277
- Thuế GTGT	-	8.373.777.233	8.373.777.233	-
- Thuế TNDN	1.158.547.876	8.000.236.579	8.016.067.876	1.142.716.579
- Thuế Tài nguyên	254.935.988	3.626.496.000	3.625.080.560	256.351.428
- Các khoản Thuế khác (Tiền cấp quyền khai thác nước)	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	89.112.203	63.898.248	110.443.181	42.567.270
2. Các khoản phải nộp khác	3.348.395.078			
- Phí nước thải	(10.251.296)			(10.251.296)
- Các khoản phải nộp khác	3.358.646.374	39.792.380.400	39.591.887.925	3.559.138.849
3. Nộp ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo qui định.	(1.037.045.368)	6.767.324.170		5.730.278.802

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ đầu tư phát triển	84.893.697.089	9.733.859.495	1.562.650.146	93.064.906.438
2. Quỹ phúc lợi khen thưởng	15.510.078.400	17.146.500.810	14.803.196.300	17.853.382.910
3. Quỹ thưởng viên chức quản lý	820.980.836	361.163.988		1.182.144.824
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)
Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước.

Người lập biểu



Nguyễn Thái Hoàn

Giám đốc




Giám Minh Vương